

Những tên gọi và bút danh của HỒ CHÍ MINH:

1. Nguyễn Sinh Cung. 1890

Nguyễn Sinh Cung là tên lúc h thời của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ngày 19-5-1890, tại quê mẹ là làng Hoàng Trù (thường gọi là làng Chùa), xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An (nay thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An)

2. Nguyễn Sinh Côn

Theo một số hồi ký của các bạn học cùng trường Quốc học Huế với Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nguyễn Sinh Cung còn được gọi là Nguyễn Sinh Côn. Trong một bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, năm 1954, Người cũng ghi tên còn nhỏ của mình là Nguyễn Sinh Côn!

3. Nguyễn Tất Thành, 1901

Tháng 5-1901, Ông Nguyễn Sinh Sắc đậu phó bảng khoa thi Hội năm Tân Sửu. Khoảng tháng 9-1901, ông chuyển về sống ở quê nội xã Kim Liên. Theo tục lệ ông Nguyễn Sinh Sắc được làng Kim Liên đón về và được làng cấp đất công, xuất quỹ làm cho một ngôi nhà. Nhân dịp này ông Nguyễn Sinh Sắc làm “lễ vào làng” cho hai con trai với tên mới: Nguyễn Tất Đạt (Sinh Khiêm), Nguyễn Tất Thành (Sinh Cung). Thành đạt là mong muốn của người cha đặt hy vọng vào hai đứa con.

4. Nguyễn Văn Thành

5. Nguyễn Bé Con

Trong tài liệu đề ngày 6-2-1920 của Tổng đốc Vinh cung cấp về Nguyễn Sinh Sắc và hai con trai, ghi lời khai của Lý trưởng, hào lý làng Kim Liên, tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn: con trai thứ của Nguyễn Sinh Sắc là Nguyễn Bé Con

6. Văn Ba. 1911

Với hoài bão quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành xin làm việc ở tàu Đô đốc Lautusow Trêvin (Amiral latouche Tréville), một tàu lớn vừa chở hàng, vừa chở khách của hãng năm sao đang chuẩn bị rời cảng Sài gòn đi Mácxây (Marseill), Pháp

Ngày 3-6-1911, Nguyễn Tất Thành rời tổ quốc ra đi, bắt đầu cuộc hành trình cứu nước. Trong sổ lương của tàu tên anh là Văn Ba

7. Pôn Tất Thành (Paul Tat Thanh). 1912

Giữa tháng 12 năm 1912, Nguyễn Tất Thành đến nước Mỹ. Ngày 15-12-1912, từ Niu Oóc (New York), Nguyễn Tất Thành gửi thư cho khâm sứ Trung kỳ nhờ tìm địa chỉ của cha là Nguyễn Sinh Huy. Thư ký tên Pôn Tất Thành.

8. Tất Thành. 1914

Từ nước Anh Nguyễn Tất Thành gửi thư cho cụ Phan Chu Trinh ở Pháp thông báo tình hình học tập, sinh hoạt của bản thân. Trong một thư khác anh nhận định, bàn luận tình hình thời cuộc. Thư ký tên Tất Thành

9. Pôn Thành (Paul Thanh). 1915

Ngày 16-4-1915, Nguyễn Tất Thành viết thư cho toàn quyên Đông Dương qua lãnh sự Anh tại Sài gòn, nhờ tìm địa chỉ của cha mình. Thư ký tên Pôn Thành

10. Nguyễn Ái Quốc. 1919

Nguyễn Ái Quốc cái tên bắt đầu một chặng đường mới trong hành trình cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp và bắt đầu hoạt động chính trị dưới cái tên Nguyễn Ái Quốc.

11. Phéc-Đi-Năng

Phéc-đi-năng là biệt hiệu bạn bè Pháp gọi Nguyễn Ái Quốc khi Người hoạt động ở Pháp đầu những năm hai mươi của thế kỷ XX

12. An-be-đơ Pu-vua-vin (Anbert de Pouvourville). 1920

Theo báo cáo ngày 30 tháng 1 năm 1920 của Bộ Nội vụ, giám đốc Sở Liêm phóng Trung ương, sở Kiểm tra trung ương cảnh sát hành chính về phong trào đòi độc lập của Đông Dương ở Pari, Nguyễn Ái Quốc là linh hồn của phong trào đòi độc lập cho Đông Dương, Người là Tổng thư ký của nhóm người Việt Nam yêu nước

Đây là một trong những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Paris mà báo cáo ghi lại : « Ông Nguyễn Ái Quốc còn cho công bố dưới dạng truyền đơn những đoạn trích từ nhiều tờ báo có liên quan đến vấn đề Đông Dương đăng trong báo « Điện tính thuộc địa » và ký tên An-be-đơ Pu-vua-vin (Anbert de Pouvourville).

13. Nguyễn A.Q. 1921-1926

Nguyễn Ái Quốc dùng bút danh Nguyễn A.Q. vào đầu những năm hai mươi. Hiện sưu tầm được hai bài báo Người ký bút danh Nguyễn A.Q. Bài báo đầu tiên Người ký bút danh Nguyễn A.Q là “Hãy yêu mến nước Pháp, người bảo hộ của các anh”, đăng trên báo Người tự do (Le Libertaire), ngày 7 đến 14-10-1921.

14. Culixe. 1922

Nguyễn Ái Quốc bút danh CULIXE trong bài báo “Rủi ro: Cảnh sinh hoạt của thợ thuyền An Nam”, đăng trên báo Nhân đạo (L’Humanite). Ngày 18-3-1922

15. N.A.Q. 1922

Nguyễn Ái Quốc dùng bút danh N.A.Q vào những năm 1922-1930 với bút danh N.A.Q, Người viết bài đăng trên các báo Người cùng khổ (Le Paria) báo Nhân đạo (L’Humanite)

16. Ng.A.Q. 1922

Nguyễn Ái Quốc dùng bút danh Ng.A.Q từ năm 1922 đến năm 1925. Bài báo đầu tiên Người ký bút danh Ng.A.Q là bài: Sở thích đặc biệt, đăng trên báo Người cùng khổ (Le Paria), ngày 1-8-1922.

17. Hăngri Trần (Henri Tchen). 1922

Henri Tchen là tên ghi trong thẻ đảng viên Đảng Cộng sản Pháp của Nguyễn Ái Quốc. Số thẻ 13861

18. N.1923

Nguyễn Ái Quốc dùng bút danh N. trong các năm 1923-1924, 1928. Với bút danh N. Người viết bài: Lòng ngay thẳng của chính phủ thuộc địa, đăng trên báo Người cùng khổ (Le Paria), số 11, ngày 1-2-1923

19. Chen Vang. 1923

Khi quyết định trở về gần Tổ quốc, ngày 13-6-1923, Nguyễn Ái Quốc bí mật rời Pari đi Liên Xô, tổ quốc của cách mạng, đất nước mà từ lâu Người mơ ước đặt chân tới.

Ngày 16-6-1923, Người đến nước Đức. Tại đây Người được cơ quan đặt mệnh toàn quyền Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết liên bang Nga tại Béclin cấp cho giấy đi đường số 1829, trong giấy này Người mang tên Chen Vang

20. Nguyễn. 1923

Nguyễn Ái Quốc dùng bút danh Nguyễn trong các năm 1923, 1924, 1928, Người ký bút danh Nguyễn trong bức tranh “Sự phục thù của Tu-tăng Ca-mông”, đăng trên báo Người cùng khổ, số 13, năm 1923

21. Chú Nguyễn. 1923

Chú Nguyễn là tên Nguyễn Ái Quốc ký trong bức thư gửi các bạn cùng hoạt động ở Pháp, trước khi Người rời Pari đi Liên xô năm 1923

22. Lin. 1924

Nguyễn Ái Quốc dùng tên Lin trong khoảng thời gian ở Liên xô lần thứ nhất 1923-1924 và trong các năm 1934-1939

23. Ái Quốc. 1924

Ái Quốc là tên ghi trong thẻ dự Đại hội V quốc tế Cộng sản của Nguyễn Ái Quốc (tháng 6-1924)

24. Un Annamite (một người An Nam). 1924

Nguyễn Ái Quốc ký bút danh Un Annamite trong bài viết « Tình hình những người lao động ở Đông Dương », đăng trên báo Người cùng khổ, số 28, tháng 8 năm 1924

25. Loo shing Yan. 1924

Bài “thư từ Trung Quốc, số 1”, ngày 12-11-1924 của Nguyễn Ái Quốc viết về phong trào cách mạng Trung Quốc, sự thức tỉnh, giác ngộ cách mạng cho phụ nữ Trung Quốc, gửi tạp chí RABÓTNHÍTXA. Trong bài Người ký bút danh Loo Shing Yan (Nữ đảng viên quốc dân Đảng)

26. Ông Lu. 1924

Ngày 12-11-1924, Nguyễn Ái Quốc viết thư gửi một đồng chí trong quốc tế cộng sản báo tin Người đã đến Quảng Châu, Trung Quốc. Cuối thư Người ghi địa chỉ liên lạc của mình là: Ông Lu, Hãng Thông tấn RÔXTA, Quảng Châu, Trung Quốc. Sau này trong nhiều thư khác Nguyễn Ái Quốc cũng ghi địa chỉ liên lạc là Ông Lu

27. Lý Thụy. 1924

Nguyễn Ái Quốc dùng bút danh Lý Thụy trong thời gian Người hoạt động ở Trung Quốc. Ngày 11-11-1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu, với các giấy tờ tùy thân mang tên mới: Lý Thụy

28. Lý An Nam

28. Lý An Nam. 1924-1925

Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Quảng Châu, Trung Quốc với bí danh là Lý Thụy, làm phiên dịch trong văn phòng của Đoàn cổ vấn Xô viết tại Quảng Châu. Mọi người thường gọi Người là anh Lý, anh Lý An Nam

29. Nilopxki (N.A.Q). 1924

Nguyễn Ái Quốc ký tên Nilopxki trong bài: Phong tào nông dân tỉnh Quảng Đông, 16-10-1925. Trong thư gửi Đoàn chủ tịch Quốc tế nông dân, ngày 5-11-1925, Nguyễn Ái Quốc ký tên Nilopxki (N.A.Q)

30. Vương. 1925

Bí danh của Nguyễn Ái Quốc xuất hiện từ đầu năm 1925, trong thời gian hoạt động ở Trung Quốc

đầu năm 1926, Nguyễn Ái Quốc mở lớp huấn luyện chính trị tại số nhà 13-1 (nay là 258), đường Văn Minh, Quảng Châu, Trung Quốc. Người trực tiếp lãnh đạo và là giảng viên chính của các khóa học, Người lấy tên là Vương.

Wương cũng là bí danh khi Người bắt liên lạc với đồng chí Nguyễn Lương Bằng ở Trung Quốc 1925

31. L.T. 1925

Nguyễn Ái Quốc dùng bút danh L.T từ năm 1925. Người ký trong thư gửi ông H (Thượng Huyền), ngày 9-4-1925. Sau này với bút danh L.T, Người còn viết khoảng 15 bài đăng trên báo Nhân dân trong các năm 1949, 1957, 1958, 1960

32. HOWANG T.S. 1925

Nguyễn Ái Quốc ký bút danh HOWANG T.S. trong bài: Đại hội Công nhân và nông dân (2-5-1925)

33. Z.A.C. 1925

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng Z.A.C là bút danh Nguyễn Ái Quốc viết bài đăng trên báo Thanh niên, cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Tờ báo do Nguyễn Ái Quốc sáng lập ra số đầu tiên ngày 21-6-1925. Nguyễn Ái Quốc là cây bút chủ chốt của tờ báo. Trong Ban biên tập còn có các đồng chí Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, Lê Duy Điểm. Những bài quan trọng về chính trị, tư tưởng là bài của Nguyễn Ái Quốc ký bút danh Z.A.C

34. Lý Mỗ. 1925

Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Quảng Châu, Trung Quốc. Ngày 13-7-1925 Người đến Ủy Ban bãi công Cảng tỉnh đề nghị được tham gia vào đội diễn thuyết với danh nghĩa là hội viên Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức. Trong danh sách đội diễn thuyết ghi tên là Lý Thụy. Về việc này, báo Công nhân chi lộ đặc hiệu số 20, ra ngày 14-7-1925 đã đưa tin một người Việt Nam gia nhập đội diễn thuyết và để giữ bí mật cho Nguyễn Ái Quốc, tờ báo dùng tên gọi Lý Mỗ

35. Trương Nhược Trùng. 1925

36. Vương Sơn Nhi. 1925

Nguyễn Ái Quốc phụ trách tờ báo Thanh niên, ngoài việc lo chạy viết đủ bài hàng tuần cho báo, Người còn viết bài cho báo tiếng Anh “Quảng Châu báo”, với bút danh Vương Sơn Nhi, Trương Nhược Trùng

37. Vương Đạt Nhân. 1926

Nguyễn Ái Quốc với bí danh Vương Đạt Nhân được Đoàn chủ tịch Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của quốc dân Đảng Trung Quốc mời đến dự và phát biểu ý kiến tại phiên họp thứ 9 của đại hội, họp ngày 14-1-1926.

38. Mộng Liên. 1926

Nguyễn Ái Quốc dùng bút danh Mộng Liên năm 1926. Người ký dưới bài viết: Mục dành cho phụ nữ: Về sự bất công đăng trên báo Thanh niên, số 40, ngày 4-4-1926
39. X. 1926

Nguyễn Ái Quốc dùng bút danh X. trong các năm 1926, 1927. Với bút danh X. Người viết một loạt bài nhan đề: Các sự biến ở Trung Quốc viết về tình hình chính trị ở Trung Quốc. Đăng trên 7 số báo L' Anna. Bài đầu tiên đăng trong số 118, ngày 2-12-1926
40. H.T. 1926

Nguyễn Ái Quốc dùng bút danh H.T từ năm 1926. Người ký trong bài viết: Bà Trương Trắc, đăng trên báo Thanh niên, số 73, ngày 12-12-1926

Cùng với bút danh Mộng Liên, H.T là bút danh của Nguyễn Ái Quốc viết bài cho báo Thanh niên. Còn một số bút danh khác như: Hạ Sĩ, Hương Mộng, Diệu Hương...có thể là bút danh của Nguyễn Ái Quốc. Bởi lúc đó chưa có nhiều người viết bài cho báo Thanh niên

41. Tống Thiệu Tổ. 1926

Theo hồi ký của một số người hoạt động ở Quảng Châu, Trung Quốc, Tống Thiệu Tổ là bí danh của Nguyễn Ái Quốc khi Người hoạt động ở Quảng Châu, Trung Quốc

42. X.X. 1926

Nguyễn Ái Quốc ký bút danh X.X năm 1926 dưới bài viết: “Phong trào Cách mạng ở Đông Dương” đăng trên tập san Thư tín quốc tế (Inprekorr), số 91, ngày 14-8-1926

43. Wang. 1927

Nguyễn Ái Quốc dùng bút danh Wang trong các năm 1927, 1928. Với bút danh Wang, Người viết một loạt bài đăng trên tập san Thư tín quốc tế (Inprekorr). Bài đầu tiên là: Những tội ác kinh khủng của đế quốc Pháp ở ĐD, in trong tập Inprekorr, số 99, ngày 28-9-1927

44. N.K. 1927

Nguyễn Ái Quốc dùng bút danh N.K năm 1927 Người ký dưới bài: “Sự thống trị của đế quốc Pháp ở Đông Dương”, đăng trong tập san Thư tín quốc tế (Inprekorr), tiếng Pháp, số 104, ngày 15-10-1927. Hiện mới sưu tầm được một bài ký bút danh N.K

45. N. Ái Quốc. 1927

46. Liwang. 1927

Ngày 16-12-1927, từ Béclin, Nguyễn Ái Quốc viết thư gửi Đoàn chủ tịch quốc tế nông dân, đề nghị giúp đỡ tiền để chuẩn bị về nước. Thư ký tên N. Ái Quốc. Trong thư Người đề nghị nếu có tiền xin gửi đến Ủy ban Trung ương của Đảng Cộng sản Đức, cho “Liwang”

47. Ông Lai. 1927

Cũng trong thư gửi Đoàn chủ tịch quốc tế nông dân ngày 16-12-1927, Nguyễn Ái Quốc ghi địa chỉ trả lời thư cho Người: Ông Lai, ở nhà ông Ecsten, 21 phố Halesø, Béclin. (Nguyên văn: M.Lai, Chez M.Eckshtein, 21. Halle – chaactsse, Beclin)

48. A.P. 1927

Nguyễn Ái Quốc dùng bút danh A.P. năm 1927. Với bút danh A.P Người viết bài « Văn minh » Pháp ở Đông Dương đăng trên tập san Thư tín quốc tế (Inprekorr), tiếng Đức, số 17 năm 1927

49. N.A.K. 1928

Nguyễn Ái Quốc ký N.A.K trong thư gửi Quốc tế Nông dân, ngày 3-2-1928

50- Thọ. 1928

51- Nam Sơn. 1928

Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Xiêm (Thái Lan), tháng 7 năm 1928 Người xuất hiện ở Bản đông, huyện Phichít, tỉnh Phítxanulốc miền Trung nước Xiêm.

Trong buổi họp đầu tiên với kiều bào, Nguyễn Ái Quốc tự giới thiệu là Thọ, biệt hiệu Nam Sơn.

52- Chín (Thầu Chín). 1928

Nguyễn Ái Quốc hoạt động tuyên truyền trong Việt kiều ở Thái Lan. Người thường di chuyển từ vùng này sang vùng khác. Khoảng đầu tháng 8 năm 1928 Nguyễn Ái Quốc đến Udon (Thái Lan). Người lấy tên là Chín. Mọi người tôn trọng gọi là « Thầu Chín» (ông già Chín).

53- Víchto Lơbông (Victor Lebon). 1930

Ngày 27-02-1930, Nguyễn Ái Quốc gửi thư cho đại diện Đảng Cộng sản Pháp tại Quốc tế cộng sản. Người ghi địa chỉ nhận thư của mình là: Ông Víchto Lơbông, 123 Đại lộ Cộng Hòa, Pari, Pháp.

54- Ông Lý. 1930

Ông Lý, Hương cảng tiểu đạ báo, 53 phố Uyhem, Hồng Công là địa chỉ Nguyễn Ái Quốc ghi để nhận sách báo gửi cho Người.

55- Ng.Ái Quốc. 1930

56- L.M.Vang. 1930

Ngày 27-2-1930, Nguyễn Ái Quốc gửi thư cho văn phòng đại diện Đảng Cộng sản Đức ở Quốc tế Cộng sản xin cho Người một giấy chứng nhận là phóng viên báo Thế giới. Thư ký tên Ng. Ái Quốc

57- Tiết Nguyệt Lâm. 1930

Cũng trong thư gửi văn phòng đại diện Đảng Cộng sản đức về việc xin giấy chứng nhận là phóng viên báo Thế giới. Nguyễn Ái Quốc ghi địa chỉ để gửi giấy chứng nhận cho Người là: Ông Tiết Nguyệt Lâm, Hoa phong công ty, số nhà 136, đường Wanchai, Hồng Công

58. Pôn (Paul). 1930

Ngày 27-2-1930 Nguyễn Ái Quốc viết thư gửi đồng chí Sôta, liên đoàn chống đế quốc – Bélin, thông báo về việc Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thành lập. Thư ký tên Pôn (Paul)

59- T.V.Wang. 1930

Ngày 2-3-1930, Nguyễn Ái Quốc viết thư gửi Ban phương Đông, Quốc tế Cộng sản báo cáo về tình hình Mã Lai, đông Dương và việc gửi 3 học sinh đi học, cuối thư Người đề nghị “ Có thể mua hối phiếu của công ty xe lửa tốc hành Mỹ để tên T.V. Wang và gửi bưu điện cho tôi”

60- Công Nhân. 1930

Nguyễn Ái Quốc dùng bút danh Công Nhân năm 1930. Người viết bài “ Tranh thủ quần chúng như thế nào?”, đăng trên báo vô sản, cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Việt Nam, số 1, ngày 31-8-1930

61- Víchto. 1930

Nguyễn Ái Quốc ký bí danh Vícto trong bức thư đề ngày 29-9-1930 gửi Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản báo cáo về cuộc đấu tranh từ ngày 11 đến ngày 17-9-1930 của nông dân Thanh Chương, Hưng Nguyên, Nghệ An

62- V. 1931

Ngày 19-2-1931, với bí danh V., Nguyễn Ái Quốc viết bài “Nghệ Tĩnh đỏ” và bài “Khủng bố trắng ở Đông Dương”

63-K. 1931

Nguyễn Ái Quốc viết thư gửi Ban phươg Đông, thư đề ngày 21-2-1931, ký tên K.

64- Đông Dương. 1931

Nguyễn Ái Quốc ký danh Đông Dương dưới bài viết: “Kỷ niệm một năm khởi nghĩa Yên Bái”, đăng trên tạp chí Thư tín Quốc tế, số 12, năm 1931

65- Quac.E.Wen. 1931

Ngày 5 -3-1931, với bút danh Quac.E.Wen, Nguyễn Ái Quốc viết bài: “Uy quyền của đế quốc Pháp ở Đông Dương” gửi Quốc tế Cộng Sản

66- K.V. 1931

Nguyễn Ái Quốc dùng bí danh K.V từ năm 1931. Bí danh này được nhắc đến trong thư gửi ban chấp hành Trung ương đảng Cộng sản Đông Dương

67- Tống Văn Sơ. 1931

Tống Văn Sơ là tên gọi trong thẻ căn cước của Nguyễn Ái Quốc khi Người bị bắt ở số 186, phố Tam Lung (Cầu Long),. Hồng Công ngày 6-6-1931

68- New Man. 1933

69- LiNốp. 1934

Lin là tên khai trong giấy tờ học ở trường Quốc tế LêNin Liên Xô. Trong nhóm học sinh Việt Nam ở Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, năm học 1934 – 1935, mọi người thường gọi là LiNốp

70- Teng man Huon. 1935

Tháng 8-1935 Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản. Trong bản khai để tham dự Đại hội, ngày 19-8-1935 Người ghi:

Họ tên, bí danh trong Đảng hiện nay: Teng Man Huon.

71- Hồ Quang. 1938

Bí danh của Nguyễn Ái Quốc khi Người hoạt động ở Trung Quốc từ cuối năm 1938.

Nhờ mối liên hệ giữa Đảng Cộng sản Liên Xô và Đảng Cộng sản Trung Quốc, mùa thu năm 1938, từ Matxcơva Người đi Trung Quốc. Tại Lan Châu thủ phủ tỉnh Cam Túc (Tây bắc Trung Quốc), văn phòng giải phóng quân đã chuẩn bị cho Người quân phục, phù hiệu bát lộ quân, quân hàm thiếu tá và giấy tờ mang tên Hồ Quang

72- P.C.Lin (P.C Lin). 1938

Cuối năm 1938 và trong năm 1939, từ Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc viết hàng chục bài báo gửi về nước, đăng trên tuần báo Notre voix (Tiếng nói của chúng ta), tờ báo công khai của Đảng ta, xuất bản tại Hà Nội trong thời kỳ Mặt trận dân chủ.

Trong các bài báo ấy Người thường ghi “Thư từ Trung Quốc” và ký tên P.C.Lin, P.C. Line (đều là của đồng chí Lin).

73. D.C.Lin. 1939

Là bút danh chủ tịch Hồ Chí Minh ký dưới bài báo: “Những sự hung tàn của đế quốc Nhật”, đăng trên báo Dân chúng, cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Đông Dương, xuất bản ở Sài Gòn.

74- Lâm Tam Xuyên. 1939

Từ Quế Lâm (Trung Quốc) Nguyễn Ái Quốc viết thư (Bằng tiếng Pháp) gửi một đồng chí ở Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản, thư đề ngày 20-4-1939.

Cuối thư, sau dằng địa chỉ bằng tiếng Pháp là dòng chữ Hán viết tay: Quảng Tây, Quế Lâm, Quế Tây, Lộ Tam Thập Ngũ hiệu Tân Hoa nhật báo chuyển giao Lâm Tam Xuyên tiên sinh.

75- Ông Trần. 1940

Cuối tháng 2-1940, Nguyễn Ái Quốc với bí danh Ông Trần đến hiệu dầu cù là Vĩnh An Đường ở Côn Minh, Vân Nam, Trung Quốc, bắt liên lạc với tổ chức của Đảng ta ở Vân Nam kể từ đó tìm đường trở về nước.

76- Bình Sơn. 1940

Trong thời gian từ 15-11 đến 18-12-1940, với bút danh Bình Sơn, Nguyễn Ái Quốc viết mười bài đăng trên Cứu Vong Nhật báo, Trung Quốc.

77- Đi Đông (Dic – donc)

Là tên một số người bạn nước ngoài gọi Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tên gọi này được Người kể trong bài báo : « đồng chí « Đi Đông » », đăng ablo Cứu Quốc ngày 3-10-1951

78- Cúng Sáu sán. 1941

Ngày 28-1-1941, Nguyễn Ái Quốc về nước hoạt động ở vùng Pắc Bó Cao Bằng. Đồng bào địa phương không biết rõ về Người, nên một số dân bản thường gọi Người là Cúng Sáu Sán, có nghĩa là ông già ở rừng.

79- Già Thu. 1941

Trong thời gian hoạt động ở Pắc Bó, Cao Bằng các Cán bộ địa phương thường gọi Nguyễn Ái Quốc là Già Thu

80- Kim Oanh. 1941

Bút danh của Nguyễn Ái Quốc ký dưới bài thơ “Phụ nữ” đăng trên báo Việt Nam độc lập, số 104, ngày 1-9-1941

81- Bé Con. 1941

Bút danh của Nguyễn Ái Quốc ký dưới bài thơ “Trẻ con” đăng trên báo Việt Nam độc lập, số 104, ngày 1-9-1941

82- Ông cụ. 1941

Trong những năm 1940-1945, các đồng chí hoạt động Cách Mạng và đồng bào ở vùng biên giới Trung Việt thường dùng gọi Bác

83- Hoàng Quốc Tuấn. 1941

Hoàng Quốc Tuấn là tên của Nguyễn Ái Quốc được các đồng chí trong tổ chức Việt Nam dân tộc giải phóng liên hiệp hội tự đặt, với danh nghĩa là lãnh tụ Việt minh.

Trong lý lịch của một số thanh niên Cao Bằng được chọn đi học lớp vô tuyến điện ở Liễu Châu, Trung Quốc, các học viên đều thống nhất ghi danh lãnh tụ là Hoàng Quốc Tuấn.

84- Bác. 1941

Tên gọi “Bác”, xuất hiện từ dịp họp Hội nghị Trung ương lần thứ tám, tháng 5 năm 1941, ở Pắc Bó, Hà Quảng, Cao Bằng. Dịp đó các đại biểu về dự hội nghị được biết có đại

biểu Quốc tế là đồng chí Nguyễn Ái Quốc cũng có mặt. Lúc đầu khi gặp đồng chí Nguyễn Ái Quốc mọi người không biết xưng hô thế nào. Hồi ký của đồng chí Hoàng Quốc Việt kể rằng: mới đầu chúng tôi đều gọi Bác là đồng chí, rồi gọi là cụ, sau thấy anh Trường Chinh và anh Thụy dùng tiếng “Bác”, anh em thấy gọi như thế là hợp với lòng mình, nên từ đấy chúng tôi bắt đầu thưa với Bác bằng cái tên thân yêu mà bây giờ tất cả chúng ta đều gọi. Tiếng “Bác” được dùng rộng rãi hơn từ sau năm 1945, sau nay tên gọi Bác còn được ký dưới một số thư gửi các đồng chí Trung Ương và Bộ Chính trị.

85- Thu Sơn. 1942

Tháng 1-1942, với bút danh Thu Sơn, Nguyễn Ái Quốc chuyển đến ở nhà đồng chí Xích Thắng (tức Dương Mạc Thạch) tại Châu Nguyên Bình, Cao Bằng trong một số ngày.

86- Xung Phong. 1942

Bút danh của Nguyễn Ái Quốc ký dưới bài thơ: “ Tặng Thống chế Pê Tanh”, và bài “Nhóm lửa” đăng trên báo Việt Nam độc lập, số 131, ngày 11-7-1942, số 133, ngày 1-8-1942

87- Hồ Chí Minh. 1942

Đầu những năm 1940, trước biến chuyển mới của tình hình cách mạng, một nhiệm vụ bức thiết đặt ra cho cách mạng nước ta lúc này là phải thực hiện liên minh quốc tế, tranh thủ sự giúp đỡ của đồng minh. Trước mắt phải phối hợp hành động giữa phong trào Việt minh với phong trào chống

88- Hy Sinh. 1942

Nguyễn Ái Quốc ký bút danh Hy Sinh dưới bài thơ “Chơi giảng”, đăng trên báo Việt Nam độc lập, số 135, ngày 21-8-1945

89- Cụ Hoàng. 1945

Cuối tháng 2 năm 1945, Bác đi Côn Minh với ý định gặp các cơ quan Mỹ để tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của đồng minh chống phát xít đối với cách mạng Việt Nam. Khi đến Bixichai, vào nhà một việt kiều là cơ sở của ta, Người được giới thiệu là “Cụ Hoàng”, đó cũng là tên công khai của Bác trên giấy tờ khi đi giao thiệp

90- C.M.HỒ. 1945

Hồ Chí Minh ký tên C.M.HỒ dưới thư gửi ông Phên, ông Tam vào tháng 7 và tháng 8 năm 1945

91- Chiến Thắng. 1945

Bút danh Chiến Thắng được chủ tịch Hồ Chí Minh dùng sau những ngày đầu đất nước tuyên bố độc lập

92. Ông Ké. 1945

Chiều một ngày cuối tháng 1 năm 1945, Nguyễn Ái Quốc trong bộ áo chàm người Nùng đến chiếc lán ở hang Pác Tẻng (chân núi đá Lam Sơn, Cao Bằng), của gia đình đồng chí Hoàng Đức Triều (An Định). Người được giới thiệu với gia đình là “đồng chí Ông Ké”, với bí danh Ông Ké

93. Hồ Chủ Tịch. 1945

Tên gọi Hồ Chủ Tịch xuất hiện từ khi chính Nhật của nhân dân Trung Quốc và các lực lượng đồng minh chống phát xít trên chiến trường Thái Bình Dương

94. Hồ. 1945

HỒ Chí Minh ký tên HỒ dưới các thư gửi ông Bécna và ông Phên đề ngày 9-5-1945 và 9-6-1945, cảm ơn về sự giúp đỡ các học viên vô tuyến điện, nhờ ông Phên liên lạc chuyển giúp gói quà có lá cờ của đồng minh đến cho Người bằng cách nhanh nhất

95. Q.T. 1945

Với bút danh Q.T chủ tịch HỒ Chí Minh viết 10 bài, đăng trên báo Cứu quốc trong các năm 1945-1946

96. Q.Th. 1945

Với bút danh Q.Th Chủ tịch HỒ Chí Minh viết 14 bài, đăng trên báo Cứu quốc trong các năm 1945-1946

97. Lucius. 1945

Tên mật do tổ chức OSS (cơ quan nghiên cứu chiến lược Mỹ) đặt cho HỒ Chí Minh.

Tháng 8 năm 1945, Sácơphen một nhân viên của OSS lấy bí danh là “Ham Lét” và đặt mật danh cho cụ HỒ là “Lucius” tên vị hoàng đế La Mã chiến thắng trong vở bi kịch của Shakespear là Titus Andronicus. Được biết Người đã dùng mật danh “Lucius” để điện cho “Ham Lét”

98. Bác Hồ. 1946

Sau cách mạng tháng 8 năm 1945, hai tiếng Bác HỒ trở nên gần gũi, thiêng liêng đối với mỗi người dân Việt nam. Trong một số thư gửi cho các cháu thiếu niên nhi đồng, học sinh... Người thường ký hai chữ Bác HỒ

99. T.C. 1946

Chủ tịch HỒ Chí Minh ký bút danh T.C trong bài “Tất cả hãy đến thùng bỏ phiếu” đăng trên báo Sự thật, số 10, từ ngày 6 đến ngày 9-1-1946, kêu gọi mọi người dân đi bầu cử để thực hiện quyền công dân của một nước độc lập tự do

100. H.C.M. 1946

Chủ tịch HỒ Chí Minh ký H.C.M trong bức thư gửi đồng chí Môrixơ Tôrê, Tổng bí thư Đảng Cộng sản Pháp, năm 1946. Người còn ký trong những bức điện gửi trên đường từ Pháp về nước năm 1946

101. Đ.H. 1946

Bút danh của Chủ tịch HỒ Chí Minh viết tập “Nhật ký hành trình của Chủ tịch HỒ Chí Minh bốn tháng sang Pháp” năm 1946

102. Xuân. 1946

Trên đường di chuyển từ Hà Nội qua Sơn Tây, Phú Thọ để trở lại chiến khu Việt Bắc trong những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, Chủ tịch HỒ Chí Minh đã nghỉ lại ở nhà ông Hoàng văn Nguyên ở xóm Đồi, xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ từ ngày 4-3-1947 đến 18-3-1947. Thời gian ở Cổ Tiết, Chủ tịch HỒ Chí Minh dùng bí danh 12 Xuân trong các giấy tờ giao dịch

103. Một người Việt Nam. 1946

Là tên đề dưới bài viết của Chủ tịch HỒ Chí Minh “Hoa Việt thân thiện” viết tháng 12-1946

104. Tân Sinh. 1947

Bút danh của Chủ tịch HỒ Chí Minh viết một số tác phẩm trong các năm 1947-1948

105. Anh. 1947

Ngày 20-8-1947, Bác gửi thư cho ông Nguyễn Khánh Toàn hỏi thăm tình hình sức khỏe. Cuối thư Người ký chữ Anh. Hiện nay mới chỉ thấy đây là bức thư duy nhất Bác ký chữ Anh

106. X.Y.Z. 1947

Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng bút danh X.Y.Z từ năm 1947 đến 1950

107. A. 1947

Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng mật danh A. năm 1947, trong các bức thư gửi đồng chí Hoàng Hữu Nam, Thứ trưởng Bộ Nội vụ lúc đó. Mật danh A. còn được nhắc đến trong cuốn Nhật ký của một Bộ trưởng (Nhật ký của ông Lê Văn Hiến, khi đó là Bộ trưởng Bộ Tài chính)

108. A.G. 1947

Bút danh của Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng trong những năm 1947, 1949 và 1950. Với bút danh A.G, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết một số bài báo cho chuyên mục: Công tác thiết thực của báo Sự thật

109. Z. 1947

Theo cuốn Nhật ký của một Bộ trưởng mật danh Z. được Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng trong năm 1947

110. Lê Quyết Thắng. 1948

Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng bút danh Lê Quyết Thắng trong năm 1948 và 1949. Với bút danh Lê Quyết Thắng, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết cuốn sách “Một đoạn lịch sử Việt Nam từ năm 1847 đến 1947”. Sách do Việt Bắc xuất bản

111. K.T. 1948

Tháng 2 năm 1948, với bút danh K.T Chủ tịch Hồ Chí Minh dịch hai bài thơ chữ Hán, một bài là của Người gửi cụ Bùi Bằng Đoàn và một bài của cụ Bùi họa lại bài thơ của Người

112. K.Đ. 1948

Ngày 2-5-1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết thư gửi đồng chí Hoàng Quốc Việt căn dặn về việc ra báo dịp tháng 5, động viên nhân dân đoàn kết, tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm để kháng chiến mau thắng lợi. Để tuyên truyền Người làm một bài thơ với danh nghĩa là đội trưởng dân quân du kích mán, ký tên K.Đ và đề nghị đăng trong số báo này cùng với thơ của đồng chí Tố Hữu, Xuân Diệu

113. G. 1949

Bút danh của Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng trong năm 1949. Người viết bài báo: Thêu gấm và cho than, đăng trên báo Sự thật, số xuân Kỷ Sửu, ngày 29-1-1949. Với bút danh G. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bài “Bệnh khẩu hiệu”, đưa ra quá nhiều khẩu hiệu không thiết thực, khó hiểu và dài dòng

114. Trần Thắng Lợi. 1949

Với bút danh Trần Thắng Lợi, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bài “Đảng ta” đăng trên tạp chí “Sinh hoạt nội bộ” số 13, tháng 1-1949

115. Trần Lực. 1949

Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng bút danh Trần Lực trong các năm 1949-1958 và năm 1961. Với bút danh Trần Lực, Người viết gần 70 bài báo và một số tác phẩm ngắn

116. H.G. 1949

Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng bút danh H.G một lần năm 1949. Người viết bài: Trở lại vấn đề thi đua Ái quốc, đăng trên báo Cứu quốc, chi nhánh Thủ đô Hà Nội, mặc dù lúc này đang là vùng địch tạm chiếm

117. Lê Nhân. 1949

Bút danh của Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng năm 1949. Người viết bài Thất bại và thành công, đăng trên báo Sự thật, số 117, ngày 19-8

118. T.T. 1949

Bút danh Chủ tịch Hồ Chí Minh ký dưới bài viết: Hồ Chủ Tịch và văn nghệ, viết năm 1949

119. DIN. 1950

Bút danh của Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng trong những năm 1950, 1953

120. Đình. 1950

Bí danh của Chủ tịch Hồ Chí Minh ký dưới bức thư gửi Thủ tướng nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa Chu Ân Lai và đồng chí Đặng Dĩnh Siêu, tháng 3-1950. Cũng với bí danh Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết thư gửi tướng Trần Canh (thư bằng chữ Hán) ngày 9-10-1950

121. T.L. 1950

Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng bút danh T.L trong một thời gian dài, từ năm 1950 đến năm 1969. Với bút danh T.L Người viết gần 250 bài báo đăng trên các báo Sự thật, Nhân dân

122. Chí Minh. 1950

Ngày 9-11-1950, khi nghe tin người anh là Nguyễn Sinh Khiêm mất, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết một bức điện chia buồn gửi dòng họ Nguyễn Sinh. Cuối bức điện Người ký tên: Chí Minh

123. C.B. 1951

Bút danh của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ năm 1951 đến năm 1957. Với bút danh C.B Người viết hơn 700 bài báo đăng trên báo Nhân dân

124. H. 1951

Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho ông Xuphanuvông (Lào). Thư đánh máy, tiếng Pháp đề ngày 10-5-1951. Cuối thư có chữ ký của Chủ tịch Hồ Chí Minh: H.

125. Đ.X. 1951

Bút danh của Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng từ năm 1951 đến năm 1955. Với bút danh Đ.X Người viết trên 250 bài đăng trên báo Cứu quốc

126. V.K. 1951

Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng bút danh V.K trong các năm 1951, 1960 và 1961. Với bút danh V.K Người viết 4 bài đăng trên báo Nhân dân

127. Nhân dân. 1951

Bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhan đề: “Chúc mừng ngày kỷ niệm lần thứ 34 cách mạng Tháng Mười” đăng báo Nhân dân, ngày 5-11-1951 và bài: “Nhân dân Việt Nam chúc mừng ngày kỷ niệm Đảng Cộng sản Trung Quốc” đăng báo Nhân dân, ngày 1-3/7/1954. Các bài này do Người tự đánh máy và sửa chữa. Cuối bài ghi hai chữ: NHÂN DÂN

128. N.T. 1951

Với bút danh N.T Chủ tịch HỒ Chí Minh viết bài: “Phát ngôn của Chính phủ nhân tiệp các nhà báo” ngày 22-12-1951

129. Nguyễn Du Kịch. 1951

Với bút danh Nguyễn Du Kịch, Chủ tịch HỒ Chí Minh dịch cuốn sách “Tĩnh Ủy bí mật” của nhà văn Liên xô A.Phêđrốp

130. HỒNG LIÊN. 1953

Chủ tịch HỒ Chí Minh ký bút danh HỒNG LIÊN dưới bài báo: Nhân dịp Đại hội phụ nữ quốc tế, đăng trên báo Cứu quốc, số 2362, ngày 19-6-1953

131. Nguyễn Thao Lược. 1954

Với bút danh Nguyễn Thao Lược Chủ tịch HỒ Chí Minh viết bài: “Đẩy mạnh phong trào du kích”, đăng trên báo Nhân dân, số ra ngày 16-20/1/1954. Tác giả khẳng định: “biết địch biết ta, trăm trận, trăm thắng”

132. Lê. 1954

Chủ tịch HỒ Chí Minh ký bút danh Lê trong bài báo: “Bức thư ngõ gửi Thủ tướng Pháp Măng-đét Phơ-răng-xơ”, đăng báo Nhân dân, số 284, ngày 9-12-1954

133. Tân Trào. 1954

Bút danh của Chủ tịch HỒ Chí Minh ký dưới bài báo: “Giải phóng Đài Loan” đăng trên báo Nhân dân, số 218, ngày 25 đến 27-8-1954

134. H.B. 1955

Chủ tịch HỒ Chí Minh dùng bút danh H.B năm 1955. Hiện mới sưu tầm được một bài viết ký bút danh H.B, bài: “Có phê bình phải có tự phê bình”, đăng trên báo Nhân dân, số 488, ngày 4-7-1955

135. Nguyễn Tâm. 1957

Chủ tịch HỒ Chí Minh dùng bút danh Nguyễn Tâm cho bài viết: “Quyển nhật ký trong ngực của Bác”. Bài được viết nhân dịp ngày sinh của Người, đăng báo Nhân dân, ngày 19-5-1957

136. K.C. 1957

Chủ tịch HỒ Chí Minh dùng bút danh K.C trong năm 1957, 1958. Người viết 4 bài báo xung quanh việc Mỹ phóng vệ tinh nhân tạo

137. Chiến Sĩ. 1958

Chủ tịch HỒ Chí Minh dùng bút danh Chiến Sĩ từ năm 1958 đến 1968. Với bút danh này Người viết hơn 80 bài báo đăng trên báo Nhân dân và Quân đội nhân dân

138. T. 1958

Chủ tịch HỒ Chí Minh ký bút danh T. trong bài báo: “Phong trào vệ sinh yêu nước đang sôi nổi tại Trung Quốc”, đăng báo Nhân dân, ngày 29-1-1958

139. Thu Giang. 1959

Chủ tịch HỒ Chí Minh ký bút danh Thu Giang trong bài: “Bác đến thăm Côn Minh”, đăng báo Nhân dân, ngày 12-4-1959

140. Nguyễn Hào Student (Nguyễn Hào, sinh viên). 1959

Chủ tịch HỒ Chí Minh dùng năm 1959. Với bút danh Nguyễn Hào Student Chủ tịch HỒ Chí Minh viết thư gửi giáo sư Ivan Duycel (Bungari), ngày 10-4-1959

141. Ph.K.A. 1959

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký bút danh Ph.K.A trong bài: “ Cuộc nghỉ hè 2 vạn 3 nghìn cây số”, viết về chuyến đi thăm và nghỉ hè ở Trung Quốc và Liên Xô của Người, giới thiệu những thành quả trong công cuộc xây dựng CNXH của hai nước.

142- C.K. 1960

Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng bút danh C.K trong năm 1960. Người viết trên 20 bài báo về cần kiệm xây dựng CNXH, Người chỉ rõ đường đi lên CNXH của Việt Nam là phải công nghiệp hóa nước nhà

143- Tuyết Lan. 1960

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký bút danh Tuyết Lan trong bài: “ Ba chai rượu sâm banh”, đăng trên báo Nhân dân, số 2331, ngày 27-4-1960

144- Giảng Pho (Jean Fort). 1960

Dưới hình thức dịch lại bức thư của một công nhân tên là Giảng Pho, ở Angiêri gửi cho tác giả nói về tình cảm của một người bạn quốc tế đối với Nguyễn Ái Quốc thời kỳ ở Pari và những năm sau.

145- Trần Lam. 1960

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký bút danh Trần Lam

146- Một người việt kiều ở Pháp về. 1960

Là tên đề dưới bài: “ Vài mẩu chuyện trong hồi bác sang thăm Pháp”, bài viết gửi cho báo Nhân dân, nhân dịp 19 tháng 5 năm 1960.

147- K.K.T. Khoảng năm 1960

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký bút danh K.K.T dưới bài viết:” Tinh thần yêu nước và tinh thần quốc tế”, bài viết kêu gọi nhân dân Việt Nam nêu cao tinh thần yêu nước và tinh thần quốc tế, ủng hộ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Angiêri.

148- T.Lan. 1961

Bút danh của Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng khi viết tác phẩm: “Vừa đi đường vừa kể chuyện”, đăng trên nhiều kỳ báo Nhân dân, tháng 5-1961 và một bài báo khác nhan đề: “Bác ăn tết với chúng tôi”, đăng trên báo Nhân dân, ngày 14-2-1961

149- Luật sư Th. Lam. 1961

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký bút danh Luật sư Th. Lam trong bài viết: Kính hỏi Ủy ban Quốc tế giám sát và kiểm sát, đăng trên báo Nhân dân, ngày 5-8-1961

150- Ly. 1961

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký tên Ly trong bức điện đề ngày 13-12-1960, gửi đồng chí Ai dít, chủ tịch Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Indônêxia, báo đã nhận được điện của đồng chí và thông báo tình hình sức khỏe của Người.

151- Lê Thanh Long. 1963

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký bút danh Lê Thanh Long trong bài: Nhân dịp mừng Đảng ta 33 tuổi, đăng trên báo Nhân dân, ngày 4-2-1963.

152- CH-KOPP (A-la-ba-ma). 1963

Bút danh của Chủ tịch Hồ Chí Minh ký dưới bài báo : Chó Mỹ da trắng cắn Mỹ da đen, đăng trên báo Nhân dân, ngày 30-4-1963. Bài viết tố cáo chế độ phân biệt chủng tộc ở Mỹ.

153-Thanh Lan. 1963

Bút danh của Chủ tịch Hồ Chí Minh ký dưới bài: đại hội phụ nữ Quốc tế, đăng trên báo Nhân dân, số 3377, ngày 26-6-1963

154-Ngô tam.1963

Ngày 7-9-1963, từ Trung Quốc, Chủ tịch HỒ Chí Minh viết thư gửi đồng chí Lê Duẩn, thư ký tên Ngô Tam. Trong thư Người thông báo tình hình sức khỏe của Người và hỏi thăm một số tình hình trong nước.

155. Nguyễn Kim. 1963

Chủ tịch HỒ Chí Minh ký bút danh Nguyễn Kim trong bài: Thư bạn đọc, đăng trên báo Nhân dân, ngày 7-12-1951

156- Ng~.Văn Trung.1963

Chủ tịch HỒ Chí Minh ký bút danh Ng~.Văn Trung trong bài viết: “ Phải chăng rộng lấy nước”, gửi Ban biên tập báo khoa học kỹ thuật, tháng 6/1963

157-Dân Việt. 1964

Chủ tịch HỒ Chí Minh ký bút danh Dân Việt trong bài: Thư ngỏ ngài ngoại trưởng Anh Cát Lợi, đăng trên báo Nhân dân, ngày 22-1-1964.

158- đình Văn Hào. 1964

Bút danh của Chủ tịch HỒ Chí Minh ký dưới bức thư gửi chủ bút tân Việt Hoa, ngày 2-5-1964.

159- C.S. 1964

Chủ tịch HỒ Chí Minh ký bút danh C.S trong bài: “Chó Mỹ” đăng trên báo Nhân dân, ngày 10-9-1964. Bài viết về những thất bại của đế quốc Mỹ trong việc đưa các loại chó Mỹ, chó tay sai vào Việt Nam

160. Lê Nông. 1964

Chủ tịch HỒ Chí Minh dùng bút danh Lê Nông trong các năm 1964-1966

161. L.K. Không năm 1964

Bút danh của Chủ tịch HỒ Chí Minh ký dưới bài: “Báo chí Anh lật trần âm mưu của Mỹ ở Việt Nam”

162. K.O. 1965

Chủ tịch HỒ Chí Minh ký bút danh K.O trong bài: “người mới việc mới”, đăng báo Nhân dân, ngày 10-9-1965. Bài viết về gương người tốt việc tốt được Bác Hồ thưởng huy hiệu

163. Lê Ba. 1966

Chủ tịch HỒ Chí Minh ký bút danh Lê Ba trong bài: “Trả lời ông Men-Xphin thượng nghị sĩ Mỹ”, đăng báo Nhân dân, số 4407, ngày 30-4-1966

164. La Lập. 1966

Chủ tịch HỒ Chí Minh dùng bút danh La Lập trong năm 1966. Người ký bút danh La Lập trong hai bài báo. Trong đó có bài: Tổng Giôn phạm tội ác tày trời, đăng báo Nhân dân, số 4508, ngày 10-8-1966

165. Nói Thật. 1966

Chủ tịch HỒ Chí Minh dùng bút danh Nói Thật trong năm 1966. Người viết bốn bài báo ký bút danh Nói Thật, đăng báo Nhân dân

166. Chiến Đấu. 1967

Chủ tịch HỒ Chí Minh dùng bút danh Chiến Đấu trong năm 1967. Người viết hai bài báo. Bài: “Giôn Sơn nhấn nhó mặt mo. Phần lo thua trận, phần lo dân cười”, đăng báo Nhân dân, số 4813, ngày 14-6-1967 và bài: lại thêm một thắng lợi to lớn của Trung Quốc anh em, đăng báo Nhân dân, số 4765, ngày 24-6-1967, viết về thắng lợi của Trung Quốc trong việc thử thành công quả bom khinh khí đầu tiên

167. B.

Trong thư gửi đồng chí Lê Duẩn, ngày 10-3-1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký chữ B. ở cuối thư. Nội dung thư là việc chuẩn bị cho Bác đi thăm Miền Nam. Người còn ký chữ B. trong một số thư gửi các đồng chí trong Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung Ương Đảng Lao động Việt Nam trong những năm 60

168. Việt Hồng. 1968

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký bút danh Việt Hồng trong bài: Vừa đi đường vừa nói chuyện về Các mác, đăng trong báo Nhân dân, số 5137, ngày 5-5-1968

169. Đinh Nhất. 1968

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký tên Đinh Nhất trong thư gửi các đồng chí Chu Ân Lai và Đặng Dĩnh Siêu, ngày 25-5-1968. Người thông báo tình hình sức khỏe của Người sau thời gian đi nghỉ ở Trung Quốc về. Thư viết bằng chữ Hán.